TAND HUYỆN TRIỆU S
TỈNH THANH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 72 /2021 /QĐST- HNGĐ

Triệu S, ngày 9 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1993.

Bị đơn: Anh Lê Đình L, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Xóm 5, xã Nông Trường, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81,82,83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01tháng 04 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**
   Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1993.
   Bị đơn: Anh Lê Đình L, sinh năm 1985

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Lê Đình L.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung, tên các cháu là Lê Thị Trâm A, sinh ngày 01/4/2014 và cháu Lê Thị Thảo A1, sinh ngày 8/7/2016. Ly hôn vợ chồng anh, chị thỏa thuận chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thảo A1,

giao cho anh Long trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L, chị V không phải đóng góp nuôi con chung.

- *Về tài sản và phần nợ*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị V nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị V đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013500 ngày 05 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị V 150.000đ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu S
- UBND xã Nông Trường
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy